

Số: 02/2024/QĐST-HNGĐ

Thanh Miện, ngày 06 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Hương Lý**.

Thư ký phiên họp: Ông **Nguyễn Văn Hùng** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Diên** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc “Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông **Nguyễn Đức M** – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện T.

Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Văn B**, sinh ngày 01/01/1963

2. Bà **Vũ Thị N**, sinh ngày 01/01/1964

Cùng cư trú tại: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh , Hải Dương.

Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương trình bày:

Qua quá trình kiểm tra, rà soát các tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương và đề nghị của công dân, căn cứ theo các tài liệu chính gồm: Căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân gốc, giấy khai sinh và một số giấy tờ tùy thân khác xác định ông **Nguyễn Văn B** s ngày 01/01/1963 và bà **Vũ Thị N**, sinh ngày 01/01/1964 nhưng đến ngày 27/12/1981 đã tiến hành

đăng ký kết hôn. Do khi đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, ông B và bà N đã tự khai tăng tuổi ông B từ sinh ngày 01/01/1963 thành sinh năm 1962, khai bà N sinh năm 1963, đồng thời việc kiểm tra lý lịch của cán bộ tư pháp thời điểm đó còn nê nang và chưa chính xác nên đã tiến hành đăng ký kết hôn cho ông B và bà N và ghi trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1963, khi đó ông B còn thiếu 06 ngày mới đủ tuổi kết hôn quy định tại Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959. Vì việc kết hôn của ông B, bà N là trái pháp luật nên Ủy ban nhân dân xã C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông B, bà N trình bày: ông, bà được tự do, tự nguyện tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Ngày 27/12/1981, ông B chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên ông bà đã tự khai tăng tuổi để có thể đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định (ông B khai sinh năm 1962, bà N khai sinh năm 1963). Ủy ban nhân dân xã C đã đăng ký kết hôn cho vợ chồng ông bà và thể hiện tại Chứng nhận kết hôn ghi ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1963. Tuy nhiên, sau khi kết hôn cho đến nay, vợ chồng ông bà về tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và đã sinh được 02 con chung, vợ chồng ông bà cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương công nhận quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông bà kể từ thời điểm ông bà đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 của Quốc hội; Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị:

Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn B, sinh ngày 01/01/1963 và Vũ Thị N, sinh ngày 01/01/1964, cùng cư trú tại: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh, Hải D kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là ngày 01/01/1983.

Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn B và bà Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn B và bà Vũ Thị N đều cư trú tại thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, Ủy ban nhân dân xã C qua kiểm tra, rà soát đã phát hiện trường hợp ông B, bà N kết hôn trái pháp luật nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật, đồng thời trong quá trình giải quyết ông B, bà N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương

[2] Về tố tụng: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp, căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

Căn cứ theo các giấy tờ, tài liệu gồm: Căn cước công dân, Giấy Chứng minh nhân dân, Trích lục khai sinh, Sổ hộ khẩu gia đình của ông Nguyễn Văn B và căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, xác định ông Nguyễn Văn B sinh ngày 01/01/1963 là đúng quy định.

Ngày 27/12/1981, ông B, bà N đã thống nhất tự khai tăng tuổi ông B t sinh năm 1962 để có thể đủ tuổi đăng ký kết hôn. Bên cạnh đó, do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch công dân nên cán bộ đăng ký kết hôn đã tiến hành đăng ký kết hôn cho ông B và bà N, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 45, ngày 27/12/1981, ghi họ tên chồng là Nguyễn Văn B, sinh năm 1962 và họ tên vợ là Vũ Thị N, sinh năm 1963. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn, ông B còn thiếu 06 ngày mới đủ tuổi kết hôn quy định tại Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959. Do đó, Ủy ban nhân dân xã C có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông B và bà N.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn ông B và bà N đã chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và sinh được 02 con chung. Quá trình giải quyết vụ việc, vợ chồng ông bà đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân cho ông bà kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn

thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những nhận định trên, thấy rằng không cần hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn B và bà Vũ Thị N kể từ thời điểm ông bà đủ điều kiện kết hôn là ngày 01/01/1983 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

Ông Nguyễn Văn B và bà Vũ Thị N có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 149; 367; 370; 371 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ khoản 6 Điều 3; Điều 8; 10; 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn B và bà Vũ Thị N.

2. Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Văn B và bà Vũ Thị N.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn B, sinh ngày 01/01/1963 và bà Vũ Thị N, sinh ngày 01/01/1964, cùng cư trú tại: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn (ngày 01 tháng 01 năm 1983).

3. Về lệ phí:

Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Ông Nguyễn Văn B và bà Vũ Thị N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông B, bà N đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001585 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được

niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- UBND xã Chi Lăng Nam;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hương Lý